

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11/11/2021.
Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phương;
2. Ông Hoàng Văn Tâm;

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Ngọc Hiếu

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hàm Thuận Nam tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Viết Diệu Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 14/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **ông N.T.P – sinh năm 1982 (có mặt)**

Địa chỉ: thôn T.P., xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: **bà N.T.T – sinh năm 1987 (có mặt)**

Địa chỉ: thôn T.P., xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông N.T.P trình bày: ông và bà N.T.T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, sau khi kết hôn ông và bà N.T.T chung sống với nhau tại thôn T.P., xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống ông và bà N.T.T không có mâu thuẫn gì, chỉ là gần đây tính cách không còn phù hợp, vợ chồng không còn tình cảm. Ông và bà N.T.T không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020. Ông yêu cầu được ly hôn với bà N.T.T.

Về con chung: Ông và bà N.T.T có 04 con chung tên N.B.K (sinh ngày 28/4/2006), N.M.K1 (sinh ngày 30/11/2008), N.H.K2 (sinh ngày 27/8/2012) và N.T.A (sinh ngày 17/4/2018), hiện nay các con đều đang ở với bà N.T.T, do bà Thái trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý giao các con cho bà Thái trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà N.T.T, cấp dưỡng nuôi 02 con N.H.K2 và N.T.A với số tiền 2.000.000 đồng mỗi tháng cho mỗi con kể từ ngày 14/10/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn là bà N.T.T trình bày: bà với ông N.T.P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, bà và ông N.T.P có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, sau khi kết hôn bà và ông N.T.P chung sống với nhau tại thôn T.P., xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống bà và ông N.T.P không có mâu thuẫn gì, khoảng 2 năm trở lại đây, ông Phong thường đi ra ngoài chơi cờ bạc rồi về nhà yêu cầu bà đưa tiền trả nợ, bà còn phát hiện ông Phong có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Ông Phong đã bỏ ra ngoài sống nên giữa bà và ông N.T.P không còn chung sống với nhau từ tháng 7/ 2020, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, bà không muốn quay lại chung sống với ông N.T.P. Bà hiện nay không đồng ý ly hôn với ông N.T.P do tài sản chưa giải quyết xong.

Về con chung: Bà và ông N.T.P có 04 con chung tên N.B.K (sinh ngày 28/4/2006), N.M.K1 (sinh ngày 30/11/2008), N.H.K2 (sinh ngày 27/8/2012) và N.T.A (sinh ngày 17/4/2018), hiện nay các con đều đang ở với bà. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con, yêu cầu ông P. cấp dưỡng nuôi 02 con N.H.K2 và N.T.A với số tiền 2.000.000 đồng mỗi tháng cho mỗi con kể từ ngày 14/10/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi .

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết

Vụ án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành do các đương sự không thống nhất được với nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N.T.P, cho ông N.T.P được ly hôn với bà N.T.T;

Về con chung: đề nghị Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, giao cho bà N.T.T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung chưa thành niên tên N.B.K (sinh ngày 28/4/2006), N.M.K1 (sinh ngày 30/11/2008), N.H.K2 (sinh ngày 27/8/2012) và N.T.A (sinh ngày 17/4/2018). Hiện các con đều đang ở với bà N.T.T.

Ông N.T.P cấp dưỡng nuôi 02 con N.H.K2 và N.T.A với số tiền 2.000.000

đồng mỗi tháng cho mỗi con kể từ ngày 14/10/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông N.T.P nộp đơn xin ly hôn với bà N.T.T (Cư trú tại: thôn T.P., xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, Bình Thuận), căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] về quan hệ hôn nhân: Với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện mặc dù giữa nguyên đơn và bị đơn không có mâu thuẫn trong thời gian chung sống tuy nhiên hai bên đã không còn chung sống từ năm 2020 đến nay.

Bà N.T.T không đồng ý ly hôn nhưng bản thân bà cũng thừa nhận hai bên đã không còn tình cảm với nhau, đã ly thân hơn 1 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống, bản thân bà cũng không muốn quay lại chung sống với ông Phong, bà không đồng ý ly hôn vì giải quyết tài sản chưa xong, không phải vì thiện chí muốn hàn gắn tình cảm để cùng quay về chung sống.

Như vậy, có thể khẳng định rằng tình trạng hôn nhân giữa ông N.T.P và bà N.T.T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn Nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông N.T.P.

[2.2] Về con chung: tại phiên tòa ông N.T.P và bà N.T.T đã thỏa thuận và thống nhất: bà N.T.T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung chưa thành niên tên N.B.K (sinh ngày 28/4/2006), N.M.K1 (sinh ngày 30/11/2008), N.H.K2 (sinh ngày 27/8/2012) và N.T.A (sinh ngày 17/4/2018). Hiện các con đều đang ở với bà N.T.T.

Ông N.T.P cấp dưỡng nuôi 02 con N.H.K2 và N.T.A với số tiền 2.000.000 đồng mỗi tháng cho mỗi con kể từ ngày 14/10/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, do đó cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên.

[2.3] Về tài sản và nghĩa vụ chung: không xem xét.

[3] Về án phí: Ông N.T.P chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144, và Điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- ***Về hôn nhân:*** chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N.T.P, ông N.T.P được ly hôn với bà N.T.T.

- ***Về con chung:*** ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau: giao cho bà N.T.T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung chưa thành niên tên N.B.K (sinh ngày 28/4/2006), N.M.K1 (sinh ngày 30/11/2008), N.H.K2 (sinh ngày 27/8/2012) và N.T.A (sinh ngày 17/4/2018). Hiện các con đều đang ở với bà N.T.T.

ông N.T.P cấp dưỡng nuôi 02 con N.H.K2 và N.T.A với số tiền 2.000.000 đồng mỗi tháng cho mỗi con kể từ ngày 14/10/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản

trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*** Về án phí:** Ông N.T.P chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000037 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Ông N.T.P còn phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- đương sự
- VKSND Hàm Thuận Nam
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- THADS Hàm Thuận Nam
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Vũ